

Số: /KH-UBND

Cần Thơ, ngày tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

Khắc phục tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Thực hiện Công văn số 1482-CV/VPTU ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Văn phòng Thành ủy và Công văn số 1728-CV/ĐU ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố về việc rà soát, xây dựng Kế hoạch khắc phục tồn tại, hạn chế có liên quan đến triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Để khắc phục các tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn thành phố theo Báo cáo ngày 27 tháng 4 năm 2026 của Thường trực Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch khắc phục tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn thành phố Cần Thơ, với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Kịp thời khắc phục các tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn thành phố theo nội dung đã được nêu tại Báo cáo của Thường trực Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương ngày 27 tháng 4 năm 2026;

b) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành; đẩy nhanh tiến độ tham mưu, ban hành thể chế, phát triển hạ tầng số, khai thác dữ liệu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố;

c) Xác định rõ nhiệm vụ, tiến độ, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và địa phương; bảo đảm việc tổ chức thực hiện đồng bộ, khả thi, có kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả cụ thể.

2. Yêu cầu

a) Bám sát các tồn tại, hạn chế đã được xác định; việc khắc phục phải có trọng tâm, trọng điểm, rõ sản phẩm đầu ra, rõ thời hạn hoàn thành;

b) Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện;

c) Gắn việc khắc phục tồn tại, hạn chế với thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2026;

d) Quá trình triển khai phải bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức; các khó khăn, vướng mắc phát sinh phải được kịp thời tổng hợp, báo cáo để xem xét, giải quyết;

đ) Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc; thường xuyên rà soát, điều chỉnh phù hợp trong quá trình thực hiện.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành

a) Rà soát toàn bộ các nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo có liên quan đang theo dõi trên Hệ thống theo dõi tình hình thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Trung ương (<https://theodoing.dcs.vn>); cập nhật đầy đủ tiến độ, kết quả thực hiện, sản phẩm đầu ra và tài liệu minh chứng của từng nhiệm vụ;

b) Xây dựng danh mục các nhiệm vụ có nguy cơ chậm tiến độ; xác định nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp triển khai đối với từng nhiệm vụ cụ thể;

c) Chuẩn hóa việc lập, lưu trữ và cập nhật hồ sơ minh chứng điện tử; bảo đảm các nhiệm vụ hoàn thành đều có văn bản, tài liệu và sản phẩm kèm theo, phục vụ công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát;

d) Thiết lập cơ chế đôn đốc, kiểm tra định kỳ hàng tháng đối với các nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ có thời hạn trong năm 2026; kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đối với các nội dung vượt thẩm quyền hoặc có nguy cơ không bảo đảm tiến độ.

2. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách

a) Tập trung đẩy nhanh tiến độ tham mưu, ban hành 04 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố:

- Nghị quyết ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho dự án thiết kế chip bán dẫn; dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

- Nghị quyết quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

- Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số làm việc tại các dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

- Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ hoạt động cho Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

b) Nghiên cứu xây dựng cơ chế quản lý và sử dụng ngân sách cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ; đưa Quỹ vào vận hành hiệu quả, đúng quy định;

d) Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất phương án thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm của thành phố, bảo đảm phù hợp quy định pháp luật và điều kiện thực tiễn của địa phương;

đ) Rà soát, đề xuất danh mục các cơ chế, chính sách cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn trong triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn thành phố.

3. Phát triển hạ tầng số và dữ liệu

a) Tổ chức rà soát tổng thể hiện trạng hạ tầng số, trang thiết bị công nghệ thông tin, đường truyền, phần mềm dùng chung và điều kiện bảo đảm hoạt động của các cơ quan, đơn vị và địa phương, nhất là cấp xã;

b) Xây dựng phương án đầu tư, bổ sung trang thiết bị công nghệ thông tin theo mức tối thiểu, ưu tiên các đơn vị còn thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

c) Đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư, triển khai các dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin cho 103 xã, phường và Trung tâm Phục vụ hành chính công, Hội nghị truyền hình cho Sở, ban, ngành và 103 xã, phường; dự án Nâng cấp Nền tảng IOC thành phố và triển khai IOC cấp xã;

d) Hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của thành phố với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định;

đ) Tổ chức rà soát, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện hiệu quả nguyên tắc người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần;

e) Lựa chọn một số dịch vụ công thiết yếu để thí điểm mô hình cải tiến quy trình trên cơ sở dữ liệu số, tái sử dụng dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, hướng đến giảm thời gian giải quyết, giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp;

g) Xây dựng công cụ, chỉ tiêu và phương pháp theo dõi, đo lường hiệu quả khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, dự báo, cắt giảm thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công.

4. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Tăng cường liên kết giữa viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, quỹ đầu tư, tổ chức hỗ trợ trung gian nhằm hình thành chuỗi nghiên cứu - ứng dụng - thương mại hóa gắn với nhu cầu phát triển của thành phố và vùng Đồng bằng sông Cửu Long;

b) Phát huy vai trò đầu mối của Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo thành phố; khẩn trương triển khai Đề án tổ chức lại Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ thành Trung tâm Đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ mang tầm khu vực và vùng Đồng bằng sông Cửu Long; tiếp tục nghiên cứu thành lập Công ty cổ phần Trung tâm Đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ để thúc đẩy liên kết chặt chẽ “Nhà nước - nhà khoa học - doanh nghiệp”;

c) Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ và sản phẩm công nghệ;

d) Rà soát, lựa chọn tối thiểu 03 bài toán lớn để triển khai ưu tiên, có sản phẩm, nguồn lực và chỉ tiêu cụ thể.

5. Phát triển nguồn nhân lực

a) Xây dựng và triển khai Đề án phát triển đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

b) Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về công nghệ số, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, quản trị số, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức; chú trọng đội ngũ tham mưu, quản trị hệ thống và đội ngũ trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính;

c) Rà soát, kiện toàn nhân sự phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị và địa phương; ưu tiên bổ sung, bố trí hoặc hợp đồng thực hiện nhiệm vụ ở những nơi còn thiếu, nhất là cấp xã;

d) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng và giữ chân nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

đ) Phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng trong hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ số, nâng cao kỹ năng số cơ bản và lan tỏa nhận thức về chuyển đổi số tại cơ sở.

6. Bảo đảm nguồn lực tài chính và giải ngân

a) Rà soát đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 của từng cơ quan, đơn vị và địa phương; xác định rõ kinh phí chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, đặc biệt là kinh phí cấp xã;

b) Tăng cường hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị và địa phương hoàn thiện hồ sơ, thủ tục triển khai và giải ngân kinh phí theo đúng quy định; tập trung khắc phục tình trạng giải ngân chậm, nhất là đối với nhiệm vụ chuyển đổi số tại cấp xã;

c) Theo dõi chặt chẽ tiến độ sử dụng và giải ngân kinh phí theo từng tháng; kịp thời tổng hợp khó khăn, vướng mắc tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo xử lý;

d) Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các nhiệm vụ cấp bách, nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ có tác động lan tỏa lớn; đồng thời gắn việc phân bổ, sử dụng kinh phí với kết quả thực hiện và khả năng giải ngân thực tế.

III. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Thực hiện theo Phụ lục đính kèm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này;

b) Chủ trì tham mưu triển khai các nhiệm vụ về thể chế, chính sách; hạ tầng số; dữ liệu; đổi mới sáng tạo; lựa chọn bài toán lớn; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện nhiệm vụ và tổng hợp kết quả, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố;

c) Chủ trì xây dựng biểu mẫu, hướng dẫn cập nhật tiến độ, hồ sơ minh chứng và chế độ báo cáo thống nhất để các cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai thực hiện.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về bố trí, rà soát và hướng dẫn sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch;

b) Theo dõi, đôn đốc và báo cáo tiến độ giải ngân; kịp thời tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong thực hiện để tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

3. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu các giải pháp về phát triển nguồn nhân lực, đào tạo, bồi dưỡng, kiện toàn tổ chức bộ máy và vị trí việc làm gắn với yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

b) Rà soát, nghiên cứu, đề xuất giải pháp bổ sung nhân lực phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị và địa phương, nhất là cấp xã.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, tham mưu các nội dung liên quan đến cải cách thủ tục hành chính, đo lường hiệu quả khai thác dữ liệu và chất lượng cung cấp dịch vụ công theo quy định.

5. Sở, ban, ngành thành phố

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp triển khai các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý;

b) Chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng thực hiện, kết quả đầu ra, tài liệu minh chứng và việc sử dụng, giải ngân kinh phí được giao.

6. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Ủy ban nhân dân xã, phường chịu trách nhiệm rà soát, báo cáo hiện trạng hạ tầng số, trang thiết bị công nghệ thông tin và nhu cầu đầu tư bổ sung tại địa phương; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Tài chính để thực hiện việc mua sắm, lắp đặt và nghiệm thu trang thiết bị theo các dự án được phê duyệt;

b) Chủ động lập kế hoạch sử dụng và giải ngân nguồn kinh phí sự nghiệp được giao cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; hoàn thiện hồ sơ thanh toán, quyết toán và báo cáo tiến độ giải ngân định kỳ theo hướng dẫn của Sở Tài chính; ưu tiên triển khai các nhiệm vụ có tính cấp bách, tác động trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp;

c) Nâng cao năng lực Tổ Công nghệ số cộng đồng để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, hướng dẫn sử dụng ứng dụng số và thanh toán không dùng tiền mặt.

V. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

1. Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch lồng ghép với Báo cáo thực hiện Kế hoạch số 124/KH-UBND, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ **trước ngày 15 hằng tháng**.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời tham mưu tổ chức họp đánh giá, đôn đốc tiến độ đối với các nhiệm vụ chậm hoặc có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền.

Trên đây là Kế hoạch khắc phục tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị và địa phương kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT: TU, HĐND TP;
- Đảng ủy UBND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Văn phòng Thành ủy;
- Sở, ban, ngành TP;
- UBND xã, phường;
- VP UBND TP (2C, 3C, 7);
- Lưu: VT, VHQ.

E:\20261.THop\301.KH_KP_NQ57.doc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Khởi

Phụ lục
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHẮC PHỤC CÁC TỒN TẠI, HẠN CHẾ TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

| TT | Nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm dự kiến |
|-----------|---|--------------------------|--|-----------------------------|---|
| 1 | Rà soát toàn bộ nhiệm vụ đang theo dõi trên Hệ thống; chuẩn hóa hồ sơ, minh chứng, cập nhật tiến độ thực hiện. | Sở Khoa học và Công nghệ | - Văn phòng Thành ủy, - Văn phòng UBND thành phố; - Các cơ quan liên quan. | Tháng 6/2026 | Báo cáo rà soát, biểu mẫu minh chứng, danh mục nhiệm vụ cần đôn đốc |
| 2 | Hoàn thiện danh mục cơ chế, chính sách; xác định tiến độ, trách nhiệm và hồ sơ tham mưu (04 Nghị quyết, đã nêu tại mục 2 phần II của Kế hoạch). | Sở Khoa học và Công nghệ | - Sở Tư pháp; - Sở Tài chính; - Các cơ quan liên quan. | Quý II/2026 | Danh mục văn bản, lộ trình hoàn thiện, hồ sơ tham mưu |
| 3 | Rà soát hiện trạng hạ tầng số, thiết bị công nghệ thông tin cấp xã; đề xuất nhu cầu đầu tư, bổ sung. | Sở Khoa học và Công nghệ | - Sở Tài chính; - UBND xã, phường. | Quý II/2026 | Báo cáo hiện trạng, nhu cầu đầu tư, đề xuất phương án xử lý |
| 4 | Hoàn thiện phương án triển khai Kho dữ liệu dùng chung, công cụ phân tích dữ liệu; IOC thành phố, IOC cấp xã. | Sở Khoa học và Công nghệ | - Văn phòng UBND thành phố; - Các cơ quan liên quan. | Quý III/2026 | Phương án triển khai, danh mục hạng mục ưu tiên, bộ chỉ số đo lường |
| 5 | Xây dựng và triển khai Đề án phát triển đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. | Sở Khoa học và Công nghệ | Các cơ quan liên quan | Quý III/2026 | Đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng |

| TT | Nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Sản phẩm dự kiến |
|-----------|--|--|---|-----------------------------|--|
| 6 | Triển khai Kế hoạch số 72-KH/TU ngày 18 tháng 4 năm 2026 của Ban Thường vụ Thành ủy về đào tạo, bồi dưỡng chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị thành phố Cần Thơ năm 2026. | Sở Nội vụ | - Sở Khoa học và Công nghệ; - Các cơ quan liên quan. | Quý IV/2026 | Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng |
| 7 | Rà soát, hướng dẫn, đôn đốc giải ngân kinh phí các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. | Sở Tài chính | - Sở Khoa học và Công nghệ, - Các cơ quan liên quan. | Hàng quý | Báo cáo giải ngân, kiến nghị xử lý vướng mắc |
| 8 | Lập kế hoạch sử dụng và giải ngân nguồn kinh phí được giao cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; báo cáo tiến độ giải ngân định kỳ theo hướng dẫn của Sở Tài chính; ưu tiên triển khai các nhiệm vụ có tính cấp bách, tác động trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp. | - Sở, ban ngành thành phố; - UBND xã, phường. | - Sở Tài chính; - Sở Khoa học và Công nghệ. | Hàng tháng | Báo cáo tiến độ giải ngân gửi Sở Tài chính tổng hợp. Đối với UBND xã, phường, đồng thời báo cáo trên Hệ thống theo dõi tình hình thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Trung ương trước ngày 08 hàng tháng (https://theodoiq.dcs.v) |
| 9 | Đánh giá kết quả khắc phục tồn tại, hạn chế; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp thực hiện | Sở Khoa học và Công nghệ | Các cơ quan liên quan | Quý IV/2026 | Báo cáo, đề xuất nhiệm vụ năm tiếp theo |